SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 2025-02-27T16:04:34+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 228 /QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 27 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 21 tháng 01 năm 2025; Công văn số 366/STNMT-KSTNN ngày 13 tháng 02 năm 2025; Công văn số 472/STNMT-KSTNN ngày 20 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Lê Trọng Yên

KẾ HOẠCH
ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

- Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, đúng theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010;

- Phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại địa phương, giảm thiểu tác động đến môi trường, tăng nguồn thu ngân sách cho Nhà nước;

- Làm cơ sở cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

b) Yêu cầu:

- Các khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá phải phù hợp với Phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản được tích hợp vào quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và không nằm trong Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ và không chồng lấn với quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá theo Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính; Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tổ chức các phiên đấu giá minh bạch, công khai, liên tục, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

2. Nội dung

a) Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2025 (có Phụ lục kèm theo).

b) Phương thức tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính; Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Thời gian thực hiện: Quý I năm 2025.

d) Kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-

BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính.

3. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thông báo công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; thông tin cơ bản về điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản; các thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đăng tải Kế hoạch này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và của Sở kể từ ngày phê duyệt Quyết định đến khi thực hiện xong Kế hoạch.

- Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện việc đấu giá tài sản. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, Sở Công Thương; Sở Xây dựng rà soát các mỏ khoáng sản tại Kế hoạch này đảm bảo phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, không chồng lấn với quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, không nằm trong các Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xác định giá khởi điểm, tiền đặt trước; xác định hình thức, phương thức đấu giá, bước giá và chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Phương án đấu giá trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Lập, thông báo, bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tiếp nhận, chủ trì xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tiếp nhận tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá.

- Lập dự toán kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài chính thẩm định.

- Thực hiện các nhiệm vụ là cơ quan thường trực để chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Sở Tài chính

Phối hợp thẩm định năng lực tài chính của các hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tư pháp

- Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc điều hành các phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

d) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm

Tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và pháp luật có liên quan.

đ) Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa nơi có khoáng sản đưa ra đấu giá có trách nhiệm

- Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh trong trường hợp đấu giá thông qua Hội đồng.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch.

- Sở Công Thương và Sở Xây dựng rà soát sự phù hợp với các quy hoạch khoáng sản và khoáng sản làm vật liệu xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023.

- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa có trách nhiệm đẩy nhanh tiến độ cập nhật điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch đô thị/nông thôn phù hợp với Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, đã được UBND tỉnh ký duyệt ngày 20/12/2024; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong trường hợp chậm tiến độ cập nhật dẫn đến thiếu hụt nguồn vật liệu san lấp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại địa phương.

e) Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm

Thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và pháp luật có liên quan.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc các Sở, ngành, UBND các huyện và thành phố Gia Nghĩa kịp thời phản ánh, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC:
KHU VỰC ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thành phố Gia Nghĩa

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
01	Mỏ đất san lấp 1 phường Quảng Thành, TP. Gia Nghĩa	Phường Quảng Thành, TP. Gia Nghĩa	1	1332730	412049	4,02	
			2	1332690	412119		
			3	1332409	411985		
			4	1332457	411853		
			5	1332537	411870		
			6	1332605	411938		
			7	1332730	412049		

2. Huyện Tuy Đức

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
01	Mỏ vật liệu san lấp bon Philote 1, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	Xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	1	1327537	377490	3,6	
			2	1327529	377627		
			3	1327342	377643		
			4	1327340	377636		
			5	1327335	377625		
			6	1327313	377576		
			7	1327310	377561		
			8	1327309	377558		
			9	1327309	377557		
			10	1327309	377555		
			11	1327310	377533		
			12	1327327	377466		
			13	1327330	377454		
			14	1327331	377451		
			15	1327332	377449		
			16	1327334	377440		
02	Mỏ vật liệu san lấp bản Tân Lập, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	Bản Tân Lập, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	1	1328811	373556	4,14	
			2	1328841	373534		
			3	1328890	373583		
			4	1328889	373601		
			5	1328880	373634		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
			6	1328849	373658		
			7	1328826	373665		
			8	1328813	373665		
			9	1328799	377663		
			10	1328786	373659		
			11	1328770	373652		
			12	1328737	373641		
			13	1328712	373630		
			14	1328649	373600		
			15	1328628	373591		
			16	1328605	373584		
			17	1328571	373580		
			18	1328565	373578		
			19	1328565	373571		
			20	1328566	373569		
			21	1328571	373554		
			22	1328574	373541		
			23	1328575	373523		
			24	1328582	373489		
			25	1328646	373419		

3. Huyện Đắk Glong

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
01	Mỏ vật liệu san lấp xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong	Xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong	1	1348302	455594	5,02	
			2	1348251	455485		
			3	1348217	455464		
			4	1348193	455377		
			5	1348406	455306		
			6	1348488	455506		
			7	1348405	455305		
02	Mỏ vật liệu san lấp xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	Xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	1	1333779	435562	10,48	
			2	1333906	435637		
			3	1333963	435771		
			4	1333958	435996		
			5	1333879	435972		
			6	1333762	436007		
			7	1333601	435937		
			8	1333600	435936		
			9	1333779	435562		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
03	Mỏ vật liệu san lấp xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong	Xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong	1	1323157	429117	11,91	
			2	1323125	429049		
			3	1323131	429011		
			4	1323207	428979		
			5	1323221	428946		
			6	1323358	428800		
			7	1323389	428838		
			8	1323417	428846		
			9	1323427	428924		
			10	1323376	429100		
			11	1323379	429111		
			12	1323401	429113		
			13	1323435	429097		
			14	1323468	429110		
			15	1323477	429144		
			16	1323404	429397		
			17	1323345	429426		
			18	1323245	429517		
			19	1323157	429539		
			20	1323154	429521		
			21	1323205	429449		
			22	1323207	429442		
			23	1323208	429396		
			24	1323204	429383		
			25	1323211	429351		
			26	1323207	429345		
			27	1323209	429323		
			28	1323192	429323		
			29	1323167	429306		
			30	1323183	429233		
			31	1323179	429150		
04	Mỏ cát suối Đắk Măng xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	1	1347567	457641	14,4	
			2	1347472	457649		
			3	1347059	457445		
			4	1346937	457444		
			5	1346682	457670		
			6	1346596	457699		
			7	1346429	457810		
			8	1346154	457798		
			9	1346000	457734		
			10	1346000	457711		
			11	1346033	457712		
			12	1346076	457728		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
			13	1346199	457731		
			14	1346205	457722		
			15	1346410	457731		
			16	1346512	457666		
			17	1346608	457635		
			18	1346924	457365		
			19	1346961	457386		
			20	1346997	457380		
			21	1347122	457410		
			22	1347396	457551		
			23	1347562	457547		

4. Huyện Đắk Mil

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
01	Mỏ vật liệu san lấp số 1 xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil	Xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil	1	1387354	424045	5	
			2	1387318	424393		
			3	1387231	424398		
			4	1387185	424063		
			5	1387316	424043		
			6	1387354	424045		
02	Mỏ vật liệu san lấp xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil	Xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil	1	1384160	417294	23,13	
			2	1384342	417067		
			3	1384384	416932		
			4	1384348	416579		
			5	1384388	416513		
			6	1384440	416537		
			7	1384420	416625		
			8	1384488	416674		
			9	1384602	416889		
			10	1384477	416974		
			11	1384457	417083		
			12	1384553	417215		
			13	1384489	417350		
			14	1384539	417387		
			15	1384592	417384		
			16	1384621	417417		
			17	1384446	417611		
			18	1384367	417524		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
			19	1384274	417552		
			20	1384140	417450		
			21	1384160	417294		
03	Mỏ vật liệu san lấp xã Long Sơn, huyện Đắk Mil	Xã Long Sơn, huyện Đắk Mil	1	1376497	414530	4,54	
			2	1376636	414458		
			3	1376614	414424		
			4	1376653	414369		
			5	1376664	414242		
			6	1376569	414169		
			7	1376524	414298		
			8	1376449	414343		
			9	1376497	414530		
04	Mỏ đá bazan xã Đắk N'drot, huyện Đắk Mil	Xã Đắk N'drot, huyện Đắk Mil	1	1383760	410648	9,08	
			2	1383683	410737		
			3	1383627	410801		
			4	1383509	410693		
			5	1383267	410550		
			6	1383228	410491		
			7	1383204	410380		
			8	1383226	410373		
			9	1383341	410491		
			10	1383556	410468		
			11	1383760	410648		
05	Mỏ đá bazan số 3 xã Long Sơn, huyện Đắk Mil	Xã Long Sơn, huyện Đắk Mil	1	1380404	416756	15,34	
			2	1380596	417020		
			3	1380096	417191		
			4	1379985	416887		

5. Huyện Krông Nô

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
01	Mỏ vật liệu san lấp thôn Đắk Lưu, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	Thôn Đắk Lưu, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	1	1375863	425458	3,14	
			2	1375851	425656		
			3	1375685	425664		
			4	1375689	425491		
			5	1375863	425458		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
02	Mỏ vật liệu san lấp 2 thôn Phú Cường, xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	Thôn Phú Cường, xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	1	1363215	438669	2,33	
			2	1363151	438565		
			3	1363019	438589		
			4	1363074	438771		
			5	1363215	438669		
03	Mỏ vật liệu san lấp thôn Quảng Đà, xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô	Thôn Quảng Đà, xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô	1	1382011	427339	1,91	
			2	1381960	427478		
			3	1381837	427405		
			4	1381907	427279		
			5	1382011	427339		
04	Mỏ vật liệu san lấp 2 Bon Yôk Ju, xã Nâm Nung, huyện Krông Nô	Bon Yôk Ju, xã Nâm Nung, huyện Krông Nô	1	1369515	427629	1,0	
			2	1369571	427716		
			3	1369504	427778		
			4	1369439	427677		
			5	1369515	427629		
05	Mỏ đất san lấp 2 thôn Nam Hải, xã Nam Đà, huyện Krông Nô	Thôn Nam Hải, xã Nam Đà, huyện Krông Nô	1	1379438	431993	1,5	
			2	1379256	432000		
			3	1379256	432040		
			4	1379305	432100		
			5	1379383	432104		
06	Mỏ vật liệu san lấp 1 thôn Sơn Hà, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô	Thôn Sơn Hà, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô	1	1380357	419926	13,75	
			2	1380350	420163		
			3	1380108	420276		
			4	1379834	419872		
			5	1379946	419760		
			6	1379943	419823		
			7	1380106	419903		
			8	1380357	419926		
07	Mỏ vật liệu san lấp 2 thôn Sơn Hà, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô	Thôn Sơn Hà, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô	1	1380077	419509	4,92	
			2	1379994	419541		
			3	1379987	419605		
			4	1380138	419640		
			5	1380295	419702		
			6	1380325	419641		
			7	1380360	419577		
			8	1380326	419537		
			9	1380218	419516		
			10	1380117	419449		
			11	1380077	419509		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
08	Mỏ vật liệu san lấp 1 thôn Phú Cường, xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	Thôn Phú Cường, xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	1	1362685	439219	7,39	
			2	1362810	439393		
			3	1362645	439663		
			4	1362480	439362		
			5	1362685	439219		
			6	1362685	439219		
09	Mỏ vật liệu san lấp 1 xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	Xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	1	1361746	438982	1,36	
			2	1361746	439148		
			3	1361717	439148		
			4	1361672	439133		
			5	1361638	439092		
			6	1361668	439020		
			7	1361704	438979		
			8	1361746	438982		
			9	1361746	438982		
10	Mỏ vật liệu san lấp thôn Xuyên Tâm, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô	Thôn Xuyên Tâm, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô	1	1363832	438384	2,08	
			2	1363874	438356		
			3	1363835	438250		
			4	1363862	438206		
			5	1363841	438186		
			6	1363811	438175		
			7	1363779	438175		
			8	1363746	438260		
			9	1363732	438323		
			10	1363753	438370		
			11	1363767	438382		
			12	1363832	438384		
11	Mỏ vật liệu san lấp bon Choih, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô	Bon Choih, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô	1	1363955	435967	2,29	
			2	1364026	436085		
			3	1363944	436172		
			4	1363806	436026		
			5	1363955	435967		
12	Mỏ vật liệu san lấp xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	1	1358415	444625	3,05	
			2	1358384	444494		
			3	1358595	444447		
			4	1358670	444495		
			5	1358583	444598		
			6	1358415	444625		
13	Mỏ đất san lấp 2 Bon Đru, TT. Đắk Mâm, huyện Krông Nô	Bon Đru, TT. Đắk Mâm, huyện Krông Nô	1	1377624	427225	10	
			2	1377470	427300		
			3	1377482	427343		
			4	1377286	427632		

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
			5	1377533	427784		
			6	1377679	427593		
14	Mỏ đá bazan thôn Đắk Lưu, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	Thôn Đắk Lưu, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	1	1375715	423599	10	
			2	1375633	423743		
			3	1375593	423826		
			4	1375570	424110		
			5	1375758	424095		
			6	1375871	424043		
			7	1375788	423749		

6. Huyện Cư Jút

STT	Tên mỏ khoáng sản	Vị trí	Tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0			Diện tích (ha)	Ghi chú
			Điểm góc	X(m)	Y(m)		
01	Mỏ vật liệu san lấp thôn 11 xã Cư Knia, huyện Cư Jút	Thôn 11, xã Cư Knia, huyện Cư Jút	1	1392416	424820	15,93	
			2	1392219	424752		
			3	1392030	425388		
			4	1391849	425337		
			5	1392117	424997		
02	Mỏ vật liệu san lấp xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút	Xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút	1	1390134	430409	20,97	
			2	1389776	430682		
			3	1389796	430884		
			4	1389608	430920		
			5	1389516	430656		
			6	1389530	430328		
			7	1389692	430260		
			8	1389736	430423		
			9	1390101	430285		
			10	1390134	430409		